



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 8

Số 48 (01/8/2007)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ		
06-7-2007	- Quyết định số 2963/QĐ-UBND về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Bình Quới - Thanh Đa, phường 28, quận Bình Thạnh.	3
11-7-2007	- Quyết định số 3084/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố.	9
12-7-2007	- Quyết định số 91/2007/QĐ-UBND về thành lập Trung tâm Y tế Dự phòng quận 3 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 3.	11
12-7-2007	- Quyết định số 92/2007/QĐ-UBND về thành lập Bệnh viện quận 3 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 3.	15
16-7-2007	- Quyết định số 3128/QĐ-UBND về phê duyệt Chương trình xúc tiến du lịch năm 2007 của Sở Du lịch.	19
16-7-2007	- Quyết định số 3130/QĐ-UBND về phê duyệt Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.	24

- 16-7-2007 - Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND về triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố. 27

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 1

- 12-7-2007 - Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐND về thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2007 và nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2007. 32
- 12-7-2007 - Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐND về phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2006. 35

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

- 13-7-2007 - Quyết định số 10/2007/QĐ-UBND về phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2.000 khu dân cư liên phường 7, 8, 11, 12 quận 5. 39

THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2963/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH**Về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng
Khu đô thị mới Bình Quới - Thanh Đa, phường 28, quận Bình Thạnh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ quy hoạch chung quận Bình Thạnh đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo Quyết định số 6788/QĐ-UB-QLĐT ngày 18 tháng 12 năm 1998;

Căn cứ Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Bình Thạnh đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 02/2006/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế khu đô thị mới;

Xét nội dung hồ sơ Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới Bình Quới - Thanh Đa, phường 28, quận Bình Thạnh do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn quy hoạch và Phát triển đô thị H.C.M.C lập;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2368/TTr-SQHKT ngày 29 tháng 6 năm 2007 về phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị Bình Quới - Thanh Đa, phường 28, quận Bình Thạnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Bình Quới - Thanh Đa, phường 28, quận Bình Thạnh (tỷ lệ 1/2000) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tính chất và nội dung đầu tư:

Tính chất và nội dung đầu tư được điều chỉnh chủ yếu trong Khu đô thị mới Bình Quới - Thanh Đa không thay đổi lớn so với Quyết định phê duyệt quy hoạch chung quận Bình Thạnh và nhiệm vụ quy hoạch chi tiết trước đây nhưng phù hợp hơn với tình hình đầu tư hiện nay là khu đô thị sinh thái - hiện đại, bao gồm chức năng chính là dân cư hiện đại với hệ thống hạ tầng xã hội - kỹ thuật đô thị đồng bộ nằm trong một tổng thể không gian công viên sinh thái cảnh quan thiên nhiên (du lịch - nghỉ dưỡng - văn hóa - giải trí).

2. Quy mô dân số và ranh giới khu đất:

- Dân số dự kiến: 30.000 người.
- Khách du lịch và người làm việc khoảng 500.000 lượt người/ngày đêm.

3. Diện tích và ranh giới khu đất:

Tổng diện tích toàn khu dự án: 426,93ha (tính theo ranh mép bờ sông Sài Gòn và ranh hành chính với phường 27; không tính phần mặt nước sông Sài Gòn như trong nhiệm vụ thiết kế quy hoạch chi tiết trước đây) bao gồm cả phần diện tích khoảng 410,1435ha (theo Quyết định thu hồi và tạm giao đất số 2740/QĐ-UB ngày 14 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố) và diện tích hiện hữu thuộc phường 28 của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng.

Vị trí: Trong ranh hành chính phường 28, quận Bình Thạnh, cụ thể:

- Phía Bắc, Đông và Tây Bắc : giáp với sông Sài Gòn và quận Thủ Đức.
- Phía Tây : giáp phường 27, quận Bình Thạnh.
- Phía Nam và Tây Nam : giáp với sông Sài Gòn và quận 2.

4. Phân khu chức năng và cơ cấu sử dụng đất:

Khu đô thị mới Bình Quới - Thanh Đa có các chức năng chính, được phân bố cụ thể như sau:

- a) Khu dân dụng:

a.1) Khu ở: diện tích khoảng 87,9 ÷ 94,4ha, gồm:

1. Khu nhà ở cao tầng (căn hộ): khoảng 18 ÷ 20ha, khoảng 21% tổng diện tích đất ở, áp dụng hình thức “đô thị nén” để tăng diện tích đất dành cho cây xanh tập trung và các chức năng dân dụng khác, hình thức cư trú là nhà ở cao tầng, các căn hộ theo độc lập - khép kín.

2. Khu nhà ở biệt thự - nhà vườn: khoảng 20ha, khoảng 22% tổng diện tích đất ở, hình thức cư trú là nhà biệt thự và nhà vườn, diện tích một lô đất $\geq 400\text{m}^2/\text{căn hộ}$.

3. Khu ở tái định cư: 18,4ha, khoảng 20% tổng diện tích đất ở, là dự án đang được triển khai.

4. Khu công viên cây xanh trong khu ở: 9 - 10ha, khoảng 10% tổng diện tích đất ở, gồm các công viên cây xanh tập trung trong các khu ở.

5. Khu công trình công cộng trong khu ở: 4,5 - 6ha, khoảng 6% tổng diện tích đất ở, gồm công trình hành chính (ban quản lý - điều hành); thương mại - dịch vụ (cửa hàng, chợ cấp khu ở), giáo dục (mẫu giáo, tiểu học); văn hóa (câu lạc bộ, thư viện, thể thao giải trí); y tế (trạm y tế); thể dục thể thao.

6. Đất cho công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu ở: 18 - 20ha, khoảng 21% tổng diện tích đất ở, gồm các công trình giao thông nội bộ, trạm cấp điện, trạm cấp nước, phòng cháy, chữa cháy và vệ sinh môi trường.

a.2) Khu công trình công cộng phục vụ khu dân dụng: Diện tích khoảng 18ha, trong đó đất cho xây dựng công trình khoảng 75% và đất cho công trình hạ tầng kỹ thuật khoảng 25% tổng diện tích đất, gồm các hạng mục:

- Hành chính, thương mại dịch vụ: gồm các công trình hành chính (cơ quan chính quyền); thương mại - dịch vụ (siêu thị, chợ cấp khu vực, hệ thống cửa hàng);

- Văn hóa - giáo dục - giải trí - y tế: gồm các công trình văn hóa (nhà văn hóa, thư viện); giáo dục (trung học cơ sở, trung học phổ thông); giải trí (nhà hát, rạp chiếu phim, câu lạc bộ); y tế (phòng khám).

a.3) Khu cây xanh công viên phục vụ khu dân dụng: Diện tích khoảng 48ha, trong đó đất cho xây dựng công trình khoảng 85% và đất cho công trình hạ tầng kỹ thuật khoảng 15% tổng diện tích đất, gồm các hạng mục:

- Khu cây xanh công viên (bao gồm cả mặt nước): gồm các công viên trồng cây xanh và các loại hoa, cây cảnh được trồng tập trung phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi giải trí của cư dân trong khu ở.

- Công trình dịch vụ công cộng trong khu cây xanh: gồm các công trình ban quản lý, dịch vụ nghỉ ngơi, giải trí, thể thao, mua sắm, nhà hàng...

Chức năng này có thể gắn kết với chức năng cây xanh sinh thái thiên nhiên được bố trí trong khu quy hoạch.

b) Khu chức năng đặc thù:

b.1) Khu cây xanh sinh thái thiên nhiên: diện tích khoảng 105ha. Vị trí dọc theo bờ sông Sài Gòn bao quanh khu đô thị và dọc theo các kênh rạch, hồ cảnh quan. Chức năng là khu cây xanh sinh thái bảo tồn, công viên thư giãn giải trí thiên nhiên, khu du lịch, công viên vui chơi giải trí và các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu cây xanh (giao thông nội bộ, trạm cấp điện, trạm cấp nước, phòng cháy, chữa cháy và vệ sinh môi trường).

Toàn bộ phần đất trong ranh cách ly bờ sông rạch (20 ÷ 50m) được xác định là chức năng cây xanh sinh thái thiên nhiên.

b.2) Khu Trung tâm đô thị mới (cấp thành phố): Diện tích khoảng 134 - 146ha, gồm:

- Khu du lịch - nghỉ ngơi - giải trí: Khách sạn cao cấp, trung tâm nghỉ dưỡng và giải trí cấp thành phố.

- Khu công trình thương mại - văn phòng và dịch vụ: Ngoài các công trình như quảng trường cảnh quan đô thị trung tâm, công trình hành chính, trung tâm mua sắm, văn phòng giao dịch, các chức năng khác như khu hội chợ - thông tin - triển lãm - trung tâm hội nghị quốc tế: cần được nghiên cứu phù hợp với quy hoạch chung xây dựng toàn thành phố đang trình điều chỉnh.

- Khu công trình y tế - văn hóa - giáo dục: Bệnh viện đa khoa, trường đào tạo, trường trung học phổ thông, cung văn hóa - nghệ thuật, thư viện - bảo tàng,...

c) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới: Diện tích khoảng 21,53ha - 27,53ha.

c.1) Công trình hạ tầng kỹ thuật trong các khu chức năng (thuộc khu dân dụng và khu đặc thù của khu đô thị mới): bố trí các công trình đường giao thông nội bộ, sân đường, trạm cấp điện, trạm cấp nước, phòng cháy, chữa cháy và vệ sinh môi trường.

c.2) Công trình hạ tầng kỹ thuật toàn khu:

c.2.1) Hệ thống giao thông chính toàn khu:

- Dự kiến xây dựng hai cầu qua sông Sài Gòn tại Thảo Điền (quận 2) và Hiệp Bình Chánh (quận Thủ Đức). Ngoài ra cần nghiên cứu bố trí thêm các cầu qua sông

Sài Gòn để kết nối thêm với đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - vành đai ngoài, đường vành đai 1 (vành đai trong) và tuyến đường xa lộ Hà Nội. Mở tuyến đường trục nối cầu Thảo Điền (dự kiến) đến đường Bình Quới và bến đò Bình Quới (cầu dự kiến): lộ giới 30m (4 làn xe), vỉa hè 6m mỗi bên.

- Nghiên cứu hướng bố trí thêm hệ thống vận tải đường sắt nhẹ.
- Tuyến đường Bình Quới hiện hữu giữ lại (lộ giới 30m).
- Mở tuyến đường ven sông Sài Gòn cách bờ sông trung bình khoảng 20m, kết hợp làm kè bờ, đê bao chống ngập, lộ giới 16m vỉa hè 4m.
- Đường nội bộ khu vực lộ giới từ 14 ÷ 20m.
- Các đường trục chính, đường đi bộ, đường cảnh quan có lộ giới tùy thuộc vào thiết kế không gian đô thị mới.

c.2.2) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- San nền - thoát nước mưa: giải quyết đê bao ven sông Sài Gòn kết hợp đường bờ sông trong việc quy hoạch khu công viên cây xanh, cảnh quan ven sông. Đào hồ, mở rộng lòng kênh, rạch để điều hòa tiêu thoát nước, lấy đất đắp nền, cốt nền theo quy hoạch cốt nền toàn thành phố và phù hợp với yêu cầu tổ chức cảnh quan, môi trường sinh thái tại khu vực ven sông Sài Gòn.

- Hệ thống thoát nước bản và vệ sinh môi trường: Nước thải sinh hoạt sẽ được đưa về phía Nam, nơi dự kiến đặt trạm xử lý nước thải. Rác thải sẽ được tập trung xử lý sơ bộ và chuyển ra khu xử lý chất thải rắn tập trung của thành phố.

- Hệ thống cấp nước: từ tuyến ống cấp nước chính thành phố trên đường Bình Quới. Lâu dài từ tuyến ống cấp nước thành phố trên đường Hà Nội (quận 2) qua cầu Thảo Điền (dự kiến).

- Hệ thống cấp điện: nguồn điện cấp cho khu vực từ trạm Bình Triệu.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung: phải được nghiên cứu tổ chức xây dựng theo hướng sử dụng ngầm (tuy-nen kỹ thuật), phù hợp với yêu cầu phát triển về lâu dài.

5. Các quy định về quy hoạch kiến trúc và quy định liên quan:

a) Về quy hoạch kiến trúc:

- Mật độ xây dựng công trình: nhà ở cao tầng tối đa 30%; nhà biệt thự tối đa 45%; khu trung tâm công trình công cộng tối đa 30%; khu công viên cây xanh - giải trí thể dục thể thao tối đa 10%;

- Chiều cao công trình: không hạn chế nhưng phải phù hợp với công năng, tính chất công trình và không gian đô thị mới. Đồng thời phải đảm bảo phù hợp quy định hiện hành.

- Khoảng lùi công trình tính từ lộ giới theo đúng quy định.

- Hình thức kiến trúc có thẩm mỹ cao, dân tộc - hiện đại, thân thiện.

b) Về khoảng cách ly bờ sông, rạch: Phù hợp theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh rạch.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Bình Quới - Thanh Đa, phường 28, quận Bình Thạnh được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn triển khai thực hiện nghiên cứu đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Bình Quới - Thanh Đa và trình duyệt theo quy định.

Điều 3. Quyết định phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Bình Quới - Thanh Đa, phường 28, quận Bình Thạnh này thay thế Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu bán đảo Thanh Đa trước đây của Ủy ban nhân dân thành phố (số 8715/QĐ-UB, ngày 27 tháng 12 năm 2000) nay không còn phù hợp.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3084/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 2037/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 4963/QĐ-UB-QLĐT ngày 30 tháng 8 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt lộ giới (chi giới đường đỏ) đợt 2;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình tại Công văn số 451/UBND-ĐT ngày 18 tháng 5 năm 2007 về việc điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

1. Điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 4963/QĐ-UB-QLĐT ngày 30 tháng 8 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt lộ giới (chi giới đường đỏ) đợt 2 bao gồm điều chỉnh lộ giới đường Trần Thái Tông và đường Nguyễn Phúc Chu như sau:

- Đường Trần Thái Tông (đoạn từ Trường Chinh đến đường ven tường rào sân bay) và đường Nguyễn Phúc Chu (đoạn từ Trường Chinh đến đường kênh Hy Vọng) có lộ giới 20 mét được điều chỉnh thành 18,5 mét.

2. Ban hành quy định lộ giới cho đường Phạm Văn Bạch (đoạn từ Trường Chinh đến đường Huỳnh Văn Nghệ) có lộ giới 23 mét và đường Nguyễn Sỹ Sách có lộ giới như sau:

- Đoạn từ Trường Chinh đến Trần Thái Tông: lộ giới 16 mét.
- Đoạn từ Trần Thái Tông đến Phạm Văn Bạch: lộ giới 18,5 mét.

Điều 2. Các nội dung khác còn lại của Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố vẫn không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 91/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về thành lập Trung tâm Y tế Dự phòng quận 3 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 3

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BYT-BNV ngày 12 tháng 4 năm 2005 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về y tế ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 26/2005/QĐ-BYT ngày 09 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Dự phòng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 3 tại Công văn số 764/UBND ngày 02 tháng 5 năm 2007; của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 3209/SYT-TCCB ngày 05 tháng 6 năm 2007 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 476/TTr-SNV ngày 29 tháng 6 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Trung tâm Y tế Dự phòng quận 3 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 3 trên cơ sở sắp xếp lại Trung tâm Y tế quận 3. Trung tâm Y tế Dự phòng quận 3 là đơn vị sự nghiệp y tế, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động và mở tài khoản ở Kho bạc Nhà nước theo quy định. Trụ sở chính đặt tại số 80/5 đường Bà Huyện Thanh Quan, phường 9, quận 3.

Trung tâm Y tế Dự phòng quận 3 chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban

nhân dân quận 3 và hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật của Sở Y tế.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Y tế Dự phòng quận 3

1. Chức năng:

Trung tâm Y tế Dự phòng quận 3 có chức năng triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS, phòng, chống bệnh xã hội, an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khỏe sinh sản và truyền thông giáo dục sức khỏe trên địa bàn quận.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS, phòng, chống bệnh xã hội, an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khỏe sinh sản và truyền thông giáo dục sức khỏe trên cơ sở kế hoạch của thành phố và tình hình thực tế trên địa bàn quận trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tổ chức thực hiện các hoạt động sau:

- Triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về phòng, chống dịch, bệnh, HIV/AIDS, các bệnh xã hội, tai nạn thương tích, sức khỏe lao động và bệnh nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe môi trường, sức khỏe trường học, dinh dưỡng cộng đồng, an toàn vệ sinh thực phẩm, truyền thông giáo dục sức khỏe theo phân cấp và theo quy định của pháp luật;

- Trực tiếp quản lý, hướng dẫn và giám sát chuyên môn, kỹ thuật về các hoạt động thuộc lĩnh vực phụ trách và khám chữa bệnh thông thường đối với các trạm y tế phường, các cơ sở y tế trên địa bàn;

- Tham gia đào tạo, đào tạo lại, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho cán bộ y tế thuộc đơn vị mình và nhân viên y tế phường;

- Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan;

- Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu y tế quốc gia và các dự án khác được Sở Y tế phân công;

- Thực hiện quản lý cán bộ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và quản lý tài chính, tài sản của đơn vị theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các chế độ thống kê, báo cáo theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở Y tế và Ủy ban nhân dân quận 3 giao.

Điều 3. Về tổ chức bộ máy của Trung tâm Y tế Dự phòng quận 3

1. Trung tâm Y tế Dự phòng quận 3 do Giám đốc quản lý, có từ hai đến ba Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc.

Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 3 bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 3.

Giám đốc Trung tâm Y tế Dự phòng quận 3 quyết định bổ nhiệm Trưởng, Phó các khoa, phòng và Trạm Y tế phường.

2. Các phòng chức năng, nghiệp vụ gồm:

- a) Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị;
- b) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- c) Phòng Truyền thông giáo dục sức khỏe.

3. Các khoa chuyên môn gồm:

- a) Khoa Kiểm soát dịch, bệnh, HIV/AIDS;
- b) Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm;
- c) Khoa Y tế công cộng;
- d) Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản;
- đ) Khoa Xét nghiệm;
- e) Khoa Dược;
- g) Khoa Tham vấn hỗ trợ cộng đồng;
- h) Liên chuyên khoa Lao, Tâm thần, Da liễu.

Điều 4. Về biên chế, định mức lao động và kinh phí hoạt động thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2005/QĐ-BYT ngày 09 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành “Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Dự phòng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh” và do Ủy ban nhân dân thành phố giao theo chỉ tiêu biên chế sự nghiệp y tế quận 3 hàng năm.

Căn cứ Quyết định này và Quyết định số 26/2005/QĐ-BYT ngày 09 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 3 chỉ đạo việc xây

dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế Dự phòng quận 3 phù hợp với tình hình cụ thể tại địa phương.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 3, Giám đốc Trung tâm Y tế quận 3, Giám đốc Trung tâm Y tế Dự phòng quận 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 92/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về thành lập Bệnh viện quận 3 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 3

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BYT-BNV ngày 12 tháng 4 năm 2005 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về y tế ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Bệnh viện;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 3 tại Công văn số 764/UBND ngày 02 tháng 5 năm 2007; của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 3209/SYT-TCCB ngày 05 tháng 6 năm 2007 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 476/TTr-SNV ngày 29 tháng 6 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Bệnh viện quận 3 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 3 trên cơ sở sắp xếp lại Trung tâm Y tế quận 3. Bệnh viện quận 3 là đơn vị sự nghiệp y tế, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động và mở tài khoản ở Kho bạc Nhà nước theo quy định. Trụ sở đặt tại số 114 - 116 đường Trần Quốc Thảo, phường 7, quận 3.

Bệnh viện quận 3 chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân quận 3 và hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật của Sở Y tế.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ của Bệnh viện quận 3**1. Cấp cứu - Khám bệnh - Chữa bệnh:**

- a) Tiếp nhận tất cả các trường hợp người bệnh từ ngoài vào hoặc từ các cơ sở y tế chuyển đến để cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh nội trú hoặc ngoại trú;
- b) Tổ chức khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định của Nhà nước;
- c) Có trách nhiệm giải quyết toàn bộ bệnh thông thường về nội khoa và các trường hợp cấp cứu về ngoại khoa;
- d) Tổ chức giám định sức khỏe khi có yêu cầu;
- đ) Tổ chức chuyển người bệnh lên tuyến trên khi vượt quá khả năng của Bệnh viện.

2. Đào tạo cán bộ y tế:

- a) Bệnh viện là cơ sở thực hành cho các trường, lớp trung học y tế;
- b) Tổ chức đào tạo liên tục cho các thành viên trong Bệnh viện và cơ sở y tế tuyến dưới để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng quản lý chăm sóc sức khỏe ban đầu.

3. Nghiên cứu khoa học về y học:

- a) Tổ chức tổng kết, đánh giá các đề tài và chương trình về chăm sóc sức khỏe ban đầu;
- b) Tham gia các công trình nghiên cứu về y tế cộng đồng và dịch tễ học trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu;
- c) Nghiên cứu áp dụng y học cổ truyền và phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.

4. Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn, kỹ thuật:

- a) Lập kế hoạch và chỉ đạo y tế cơ sở thực hiện các phác đồ chẩn đoán và điều trị;
- b) Tổ chức chỉ đạo các phường thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và thực hiện các chương trình y tế ở địa phương.

5. Phòng bệnh:

- a) Phối hợp với các cơ sở y tế dự phòng thường xuyên thực hiện nhiệm vụ phòng bệnh, phòng dịch;
- b) Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.

6. Hợp tác quốc tế:

Tham gia các chương trình hợp tác với các tổ chức và cá nhân ngoài nước theo quy định của Nhà nước.

7. Quản lý kinh tế y tế:

a) Có kế hoạch sử dụng hiệu quả cao ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn kinh phí;

b) Tạo thêm nguồn kinh phí từ các dịch vụ y tế: Viện phí, bảo hiểm y tế, đầu tư nước ngoài và các tổ chức kinh tế;

c) Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về thu, chi ngân sách của Bệnh viện.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của Bệnh viện quận 3

1. Bệnh viện quận 3 do Giám đốc phụ trách, có từ hai đến ba Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc.

Giám đốc, Phó Giám đốc Bệnh viện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 3 bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận.

Giám đốc Bệnh viện quận 3 quyết định bổ nhiệm Trưởng, Phó các khoa, phòng trực thuộc Bệnh viện.

2. Các phòng chức năng:

a) Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị;

b) Phòng Kế hoạch tổng hợp;

c) Phòng Tài chính - Kế toán;

d) Phòng Điều dưỡng.

3. Các khoa:

a) Khoa Khám bệnh;

b) Khoa Cấp cứu;

c) Khoa Nội tổng hợp;

d) Khoa Ngoại tổng hợp;

đ) Khoa Gây mê - hồi sức;

e) Khoa Phụ sản;

- g) Khoa Nhi;
- h) Khoa Mắt;
- i) Khoa Tai - Mũi - Họng;
- k) Khoa Răng - Hàm - Mặt;
- l) Khoa Chẩn đoán hình ảnh;
- m) Khoa Đông Y - Vật lý trị liệu;
- n) Khoa Dược;
- o) Khoa Xét nghiệm.

Điều 4. Về biên chế của Bệnh viện quận 3 do Ủy ban nhân dân quận 3 bố trí trên cơ sở chỉ tiêu biên chế sự nghiệp y tế do Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Căn cứ Quyết định này và Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Quy chế Bệnh viện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 3 chỉ đạo việc xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận 3 phù hợp với tình hình cụ thể tại địa phương.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 1087/QĐ-UB-VX ngày 14 tháng 7 năm 1993 của Ủy ban nhân dân thành phố về cho phép thành lập Trung tâm Y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 3.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 3, Giám đốc Trung tâm Y tế quận 3, Giám đốc Bệnh viện quận 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thu Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3128/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
Về phê duyệt Chương trình xúc tiến du lịch
năm 2007 của Sở Du lịch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chỉ thị số 13/2005/CT-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp nhằm tạo chuyên biến mới trong công tác thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2007;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Du lịch tại Tờ trình số 516/TTr-SDL ngày 05 tháng 7 năm 2007 về kế hoạch xúc tiến du lịch năm 2007 và của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 02539/SKHĐT-HTXT ngày 14 tháng 5 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình xúc tiến du lịch năm 2007 của Sở Du lịch với dự toán kinh phí là 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng) từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách thành phố, trong đó có các hoạt động:

1. Đào tạo nguồn nhân lực:

- Tổ chức lớp quản lý khách sạn dành cho đội ngũ quản lý các khách sạn vừa và nhỏ;

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về Luật Du lịch dành cho đội ngũ hướng dẫn viên du lịch;

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch dành cho lực lượng bảo vệ du khách;

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện trang Web đào tạo nguồn nhân lực du lịch tại thành phố Hồ Chí Minh.

2. Xây dựng sản phẩm du lịch:

- Tiếp tục khảo sát tour đường sông thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai. Báo cáo tổng hợp tình hình tour;

- Tổ chức roadshow và ký kết hợp tác phát triển du lịch với các thành phố, kết hợp với các hoạt động xúc tiến, quảng bá, khảo sát xây dựng sản phẩm, hợp tác quốc tế về du lịch:

+ PhnomPenh (tháng 11/2007);

+ Nam Ninh (tháng 12/2007);

- Khảo sát sản phẩm du lịch kết hợp ký kết các chương trình hội thảo phát triển du lịch với các tỉnh Tây Nguyên (ĐakNông - ĐakLak - Gia Lai - KomTum) và Tam giác phát triển du lịch thành phố Hồ Chí Minh - Phan Thiết - Đà Lạt tại Đà Lạt;

- Xét chọn, công nhận điểm “Mua sắm đạt chuẩn du lịch”;

- Xét chọn, công nhận điểm “Ăn uống đạt chuẩn du lịch”;

- Chương trình bình chọn doanh nghiệp hàng đầu theo 10 thị trường inbound (Top ten). Khuyến khích các dịch vụ lữ hành hàng đầu trong cả nước hoạt động, tiếp thị thu hút khách du lịch.

3. Hỗ trợ tăng cường công tác quản lý Nhà nước ngành Du lịch trên địa bàn:

- Phổ biến Luật Du lịch và các văn bản dưới luật đến các doanh nghiệp (Triển khai 2 nghị định của Chính phủ đến các doanh nghiệp khách sạn liên hiệp và du lịch khác trên địa bàn).

4. Nghiên cứu, triển khai các đề tài ứng dụng vào quản lý ngành Du lịch thành phố:

- Tổ chức hội thảo “Cơ hội và thách thức du lịch thành phố Hồ Chí Minh trước hội nhập WTO”;

- Xây dựng chương trình “Phát triển du lịch thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006 - 2010” và cả năm tiếp theo;

- Xây dựng 2 đề tài của Ủy ban nhân dân thành phố giao:
- + Chương trình “Liên kết hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố”;
- + “Chương trình quảng bá xúc tiến du lịch giai đoạn 2006 - 2010” phục vụ chương trình chuyên dịch cơ cấu kinh tế khu vực thương mại - dịch vụ của thành phố.

5. Tuyên truyền quảng bá du lịch:

- Chương trình truyền hình du lịch thành phố Hồ Chí Minh (hợp tác với Đài Truyền hình thành phố tuyên truyền nhận thức cộng đồng, xây dựng môi trường du lịch văn minh, quảng bá sự kiện du lịch);

- Tạp chí Người hướng dẫn Du lịch (hợp tác với Đài Truyền hình Việt Nam và các địa phương để tuyên truyền hướng dẫn nhận thức cộng đồng xây dựng môi trường du lịch văn minh, kết hợp với quảng bá giới thiệu các sản phẩm du lịch thành phố và các tỉnh lân cận);

- Chuyên mục phát thanh Du lịch thành phố Hồ Chí Minh (phối hợp với Đài Tiếng nói nhân dân để tuyên truyền giáo dục cộng đồng xây dựng môi trường du lịch văn minh, kết hợp với quảng bá giới thiệu các sản phẩm du lịch);

- Hoạt động của Câu lạc bộ Phóng viên Du lịch - Họp mặt định kỳ quý và họp mặt cuối năm;

- Hợp đồng với Báo Sài Gòn Giải Phóng thực hiện chuyên mục Du lịch và Bảo trợ thông tin các sự kiện du lịch;

- In sách giới thiệu về du lịch thành phố (City Guide) 1.500 bản tiếng Hoa, Videoclip giới thiệu về thành phố Hồ Chí Minh, in lịch sự kiện năm 2008 (5.000 bản tiếng Anh và 5.000 bản tiếng Việt), in Niên giám Lữ hành 2007, in Niên giám Khách sạn 2007, CD Niên giám Lữ hành và Khách sạn, Bản đồ Du lịch, sách Hướng dẫn Du lịch (Guide book), in sách giảm giá “Đạt chuẩn du lịch”;

- Điểm thông tin du lịch do Sở Du lịch phụ trách (thiết lập quầy thông tin du lịch thành phố tại Nhà Ga Quốc tế mới - Sân bay Tân Sơn Nhất, tiếp tục duy trì các thông tin đã triển khai).

- Chương trình đón khách đầu năm 2007;

- Lễ hội trái cây Nam Bộ 2007;

- Cuộc thi ảnh “Khoảnh khắc Việt Nam lần 3 năm 2007”;

- Đầu tư bổ sung hệ thống các kiosque thông tin đã có: Kệ ấn phẩm, cập nhật thông tin.

6. Hoạt động quảng bá du lịch ra nước ngoài:

- Hợp Đại hội đồng TPO tại Quảng Châu (để thông qua Chương trình xúc tiến của tổ chức và dự các chương trình hội thảo chuyên đề xúc tiến du lịch);
- Trao đổi Đoàn Famtrip với các thành viên TPO (triển khai các hoạt động phối hợp với TPO: cung cấp thông tin cho tạp chí TPO Tourism Scope, bản tin TPO News Letter, cập nhật thông tin về du lịch thành phố trên trang Web của TPO);
- Đón Năm liềm TPO - 2007;
- Tổ chức các Presstrip (tổ chức cho báo chí và các doanh nghiệp du lịch nước ngoài đến thành phố để nghiên cứu thị trường du lịch, khảo sát sản phẩm và quảng bá hình ảnh du lịch thành phố như Nga, Đức...).

7. Hoạt động quảng bá du lịch trong nước:

• Tham gia các sự kiện du lịch tại các địa phương trong cả nước:

- Tham gia các sự kiện văn hóa du lịch tại các địa phương: Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam;
- Tham gia khảo sát tuyến du lịch trọng điểm: Huế, các tỉnh phía Bắc theo chỉ đạo của Tổng cục Du lịch;
- Tham gia hội chợ Festival hoa Đà Lạt 2007;
- Tham gia khảo sát các tuyến du lịch Đồng bằng sông Cửu Long phục vụ Chương trình Năm du lịch Đồng bằng sông Cửu Long 2008;
- Đón tiếp các đoàn báo chí, đại biểu các thành phố kết nghĩa, ngoại giao nước ngoài đến thành phố trao đổi về hợp tác phát triển du lịch giữa thành phố với các nước;
- Liên hoan Ẩm thực “Món ngon các nước”;
- Hội chợ Quốc tế Du lịch ITE 2007;
- Ngày BUSAN tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Về phương thức thực hiện

- Giao Giám đốc Sở Du lịch căn cứ Chương trình này lập kế hoạch cụ thể để Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt từng Chương trình xúc tiến du lịch. Căn cứ từng Chương trình xúc tiến du lịch đã được phê duyệt, Giám đốc Sở Du lịch xây dựng dự toán kinh phí trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt.

- Khi triển khai thực hiện, Giám đốc Sở Du lịch có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét có ý kiến. Giao Giám đốc

Sở Tài chính căn cứ Chương trình xúc tiến du lịch đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và căn cứ các chế độ, chính sách thực hiện cấp phát, thanh toán theo quy định.

Điều 3. Giám đốc Sở Du lịch chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về những trì trệ hoặc thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện Chương trình xúc tiến du lịch được giao. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch chi kinh phí hoạt động xúc tiến du lịch của Sở Du lịch.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3130/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
Về phê duyệt Chương trình xúc tiến đầu tư
năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chỉ thị số 13/2005/CT-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp nhằm tạo chuyển biến mới trong công tác thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 210/2005/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố ngày 09 tháng 12 năm 2005 về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2006;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 25/SKHĐT-XT ngày 03 tháng 01 năm 2007 về kế hoạch công tác xúc tiến đầu tư năm 2007 và tại Tờ trình số 02539/SKHĐT-HTXT ngày 14 tháng 5 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư với dự toán kinh phí là 4.000.000.000 đ (bốn tỷ đồng) từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách thành phố trong đó có các hoạt động:

1. Xây dựng thông tin, công tác quảng bá:

- Tiếp tục thực hiện các tài liệu giới thiệu về môi trường đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh bằng tiếng Anh, Pháp, Hoa, Hàn Quốc, Nhật như đĩa CD, sách hướng dẫn nhà đầu tư...

- Tiếp tục phát hành Tờ gấp (leaflet) để cập nhật thông tin hàng quý gửi cho các cơ quan đại diện của nước ta và nước ngoài, các Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài. Mỗi đợt phát hành tờ gấp, ngoài các thông tin chung có thể kết hợp giới thiệu một số thông tin chuyên ngành theo đề tài, theo ngành.

- Nâng cấp trang Web của Sở, cập nhật các quy định và thông tin cần thiết;

- Tiếp tục là đầu mối hỗ trợ về thông tin và thủ tục cho các dự án chuẩn bị đầu tư hoặc hỗ trợ sau phép đối với các dự án gặp vướng mắc.

- Xây dựng phần mềm để quản lý việc tiếp nhận thông tin nhà đầu tư, theo dõi dự án và nhà đầu tư tiềm năng, xây dựng danh mục hỏi đáp (Q&A);

- Xây dựng danh mục Dự án đầu tư.

2. Tổ chức các đoàn đi xúc tiến đầu tư nước ngoài

- Phối hợp tổ chức đoàn công tác của thành phố đi xúc tiến đầu tư thương mại tại Milan, Ý vào tháng 3 năm 2007;

- Tham gia các hoạt động xúc tiến khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Tổ chức các hội thảo, hội nghị đầu tư

- Tổ chức ít nhất 2 buổi Hội thảo đầu tư với Hiệp hội doanh nghiệp, các Phòng Thương mại công nghiệp nước ngoài, Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan ngoại giao... để phổ biến nội dung và trao đổi về việc thực hiện pháp luật về đầu tư và các cam kết của Việt Nam với WTO;

- Tham gia các cuộc gặp mặt với các doanh nghiệp tư vấn và các hội thảo, diễn đàn đầu tư khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Nghiên cứu xây dựng hình thức đầu tư mới

- Tổ chức hội thảo với Viện Kinh tế, Ủy ban Chứng khoán thành phố, các Quỹ đầu tư, các công ty quản lý quỹ về chủ đề đầu tư gián tiếp từ nước ngoài, thực trạng và biện pháp hỗ trợ;

- Nghiên cứu, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố về việc áp dụng mô hình công tư kết hợp (PPP) để đầu tư vào các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và tiện ích công cộng.

Điều 2. Về phương thức thực hiện

- Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ Chương trình này lập kế hoạch

cụ thể để Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt từng Chương trình xúc tiến đầu tư. Căn cứ từng Chương trình xúc tiến đầu tư đã được phê duyệt, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự toán kinh phí trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt.

- Khi triển khai thực hiện, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét có ý kiến. Giao Giám đốc Sở Tài chính căn cứ Chương trình xúc tiến đầu tư đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và căn cứ các chế độ chính sách thực hiện cấp phát, thanh toán theo quy định.

Điều 3. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về những trì trệ hoặc thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư được giao. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch chi kinh phí hoạt động xúc tiến đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2007/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 7 năm 2007

CHỈ THỊ

**Về triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP
ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc,
chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký
trên địa bàn thành phố**

Ngày 18 tháng 5 năm 2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 79/2007/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký. Nghị định này thay thế các quy định về chứng thực bản sao, chữ ký trong Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực.

Thành phố Hồ Chí Minh là một thành phố lớn, đông dân, có nhu cầu chứng thực cao, đa dạng, do đó, để triển khai thực hiện kịp thời và có hiệu quả Nghị định số 79/2007/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị:

1. Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện tốt việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt và chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt theo quy định của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP;

b) Bố trí đủ cán bộ có trình độ để giúp việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn trong công tác cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; Bảo đảm thường xuyên có người trực nhận, giải quyết kịp thời và đúng quy định các yêu cầu về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký của người dân;

c) Bảo đảm phương tiện vật chất cần thiết cho công tác cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

d) Báo cáo tình hình cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính,

chứng thực chữ ký tại địa phương cho Ủy ban nhân dân quận - huyện (thông qua Phòng Tư pháp) theo định kỳ 6 tháng và hàng năm.

2. Phòng Tư pháp quận - huyện

a) Tổ chức thực hiện tốt việc chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài hoặc song ngữ (tiếng Việt và tiếng nước ngoài); chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài và các văn bản, giấy tờ song ngữ theo quy định của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP.

b) Được đóng dấu của Phòng Tư pháp khi chứng thực các việc theo quy định tại Nghị định số 79/2007/NĐ-CP; con dấu của Phòng Tư pháp không được sử dụng cho các việc không thuộc công tác chứng thực theo Nghị định số 79/2007/NĐ-CP;

c) Đối với việc chứng thực chữ ký của người dịch:

- Người dịch phải chứng minh được mình thông thạo tiếng nước ngoài cần dịch theo một trong các tiêu chuẩn sau:

+ Có bằng Đại học ngoại ngữ (hoặc cao hơn) về tiếng nước ngoài cần dịch;

+ Có bằng Đại học khác (hoặc cao hơn) mà thông thạo tiếng nước ngoài cần dịch;

- Để đáp ứng nhu cầu của người dân về dịch thuật, các Phòng Tư pháp được xây dựng đội ngũ cộng tác viên dịch thuật trên cơ sở cộng tác viên hiện có của các Phòng Công chứng và theo các tiêu chuẩn nêu trên; Thông báo công khai danh sách cộng tác viên dịch thuật. Phòng Tư pháp quận - huyện phải quản lý đội ngũ cộng tác viên dịch thuật của mình.

Đối với các yêu cầu chứng thực chữ ký của người dịch không phải là cộng tác viên, các Phòng Tư pháp căn cứ theo tiêu chuẩn về trình độ người dịch nêu trên để chứng thực chữ ký theo quy định của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP.

- Không thực hiện chứng thực chữ ký của người dịch trong các trường hợp sau đây:

+ Bản chính được cấp sai thẩm quyền hoặc không hợp lệ; bản chính giả;

+ Giấy tờ đã bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt hoặc đã bị hư hỏng, cũ nát không thể xác định rõ nội dung;

+ Giấy tờ có xác định độ mật của cơ quan Nhà nước, đoàn thể, tổ chức xã hội và tổ chức kinh tế; giấy tờ bị cấm phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng.

d) Khi chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài, nếu thấy

cần thiết phải làm rõ nội dung giấy tờ, văn bản thì người thực hiện chứng thực đề nghị người yêu cầu chứng thực xuất trình bản dịch tiếng Việt của văn bản tiếng nước ngoài đó; Người yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch.

đ) Trưởng phòng, Phó Trưởng Phòng Tư pháp đăng ký chữ ký và con dấu tại Sở Ngoại vụ thành phố để phục vụ cho việc hợp pháp hóa lãnh sự trong các trường hợp cần thiết;

e) Phòng Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện các việc sau:

- Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

- Kiểm tra, thanh tra việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký tại Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn;

- Tham mưu việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký tại Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn;

- Tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký tại địa phương mình để báo cáo Sở Tư pháp.

3. Ủy ban nhân dân quận - huyện

Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện quản lý Nhà nước về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong địa phương mình, có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

b) Kiểm tra, thanh tra việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký tại địa phương;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký theo thẩm quyền;

d) Tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký tại địa phương mình để báo cáo Sở Tư pháp theo định kỳ 6 tháng và hàng năm;

đ) Rà soát, củng cố, tăng cường số lượng và chất lượng cán bộ, bảo đảm các điều kiện vật chất và các điều kiện khác để Phòng Tư pháp và Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn của địa phương thực hiện hiệu quả việc chứng thực theo quy định

của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP.

4. Sở Tư pháp thành phố

a) Sở Tư pháp thành phố thực hiện ngay các việc sau:

- Hướng dẫn các Phòng Tư pháp và Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn về lời chứng, phạm vi chứng thực chữ ký;

- Hướng dẫn các Phòng Tư pháp xây dựng và quản lý đội ngũ cộng tác viên dịch thuật;

- Chỉ đạo các Phòng Công chứng niêm yết công khai danh sách cộng tác viên dịch thuật hiện có và hướng dẫn cho người dân đến cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Hướng dẫn với các sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện rà soát các thủ tục liên quan đến chứng thực, cấp bản sao từ sổ gốc, tổng hợp kết quả rà soát và báo cáo tình hình cho Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Để thực hiện kịp thời các nhiệm vụ quản lý Nhà nước về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp:

- Hướng dẫn, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Ủy ban nhân dân quận - huyện, Phòng Tư pháp và Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về chứng thực;

- Kiểm tra, thanh tra hoạt động cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký của Ủy ban nhân dân quận - huyện và Phòng Tư pháp quận - huyện;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện kiểm tra, thanh tra hoạt động cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký của Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn (khi cần thiết);

- Thực hiện việc xử lý vi phạm về chứng thực theo thẩm quyền;

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện và xã - phường - thị trấn thực hiện việc thống kê số liệu, báo cáo tình hình cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; Tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký tại thành phố để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tư pháp theo định kỳ 6 tháng và hàng năm;

- Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP tại thành phố kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

5. Sở Nội vụ thành phố

Giao Giám đốc Sở Nội vụ khẩn trương hướng dẫn việc khắc dấu cho các Phòng Tư pháp để phục vụ việc chứng thực theo Nghị định số 79/2007/NĐ-CP.

6. Sở Tài chính thành phố

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp xây dựng quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành sau khi có hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bảo đảm việc cấp kinh phí để tổ chức thực hiện hiệu quả việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố.

7. Các sở - ban - ngành có liên quan

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các sở - ban - ngành có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện trong việc quản lý Nhà nước về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố.

8. Về lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực

Trong khi chưa có quy định mới về lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực, tạm thời áp dụng theo Thông tư liên tịch số 93/2001/TTLT/BTC-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2001 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí công chứng, chứng thực và Quyết định số 228/2004/QĐ-UB ngày 06 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức thu phí dịch vụ công chứng, chứng thực tại thành phố Hồ Chí Minh.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

QUẬN 1

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2007/NQ-HĐND

Quận 1, ngày 12 tháng 7 năm 2007

NGHỊ QUYẾT

Về thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2007
và nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2007

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 1
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét nội dung các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các đơn vị, thông báo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 1 và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân quận 1,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban của Hội đồng nhân dân, báo cáo của Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan đơn vị về tình hình kinh tế - xã hội, an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quận 1 sáu tháng đầu năm 2007. Căn cứ Nghị quyết số 11/2006/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân quận 1 tại kỳ họp thứ 9, nhiều chỉ tiêu kế hoạch đã đạt và vượt so với cùng kỳ năm trước và so với kế hoạch năm 2007:

1. Ước thu ngân sách Nhà nước 720 tỉ đồng đạt 60% so với dự toán, đạt 159,5% so với cùng kỳ. Trong đó thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh 525 tỉ đồng đạt 53%.

2. Ước thu ngân sách cấp quận 130,88 tỉ đồng đạt 76,22% so với dự toán, đạt

124,5% so với cùng kỳ. Chi ngân sách 94,04 tỉ đồng đạt 54,76% so với dự toán, đạt 110,12% so với cùng kỳ.

3. Đã có 276/578 hộ nghèo nâng mức thu nhập trên 6 triệu đồng/người/năm, giải quyết việc làm cho 291 lao động ở quận 1.

4. Tổng kết năm học 2006 - 2007, 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học; 98,9% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở.

5. Ủy ban nhân dân quận đã ban hành quyết định phê duyệt 24 hẻm giữ nguyên hiện trạng, bãi bỏ quy hoạch lộ giới hẻm $\leq 12m$ năm 1999; 16 hẻm giữ nguyên quy hoạch các tuyến hẻm năm 1999 và điều chỉnh 16/64 hẻm $\leq 12m$ tại các phường Nguyễn Cư Trinh, Cầu Ông Lãnh, Phạm Ngũ Lão, Đakao.

Tuy nhiên tiến độ thực hiện các dự án còn chậm, riêng các công trình do phường làm chủ đầu tư hiện chỉ có 1/13 công trình chính trang vỉa hè khởi công. Tiến độ giải ngân các công trình đạt thấp so với kế hoạch vốn, công tác quyết toán vốn đầu tư còn chậm so với yêu cầu.

Công tác bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu của người dân. Công tác cải cách hành chính được tập trung chỉ đạo, đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng thủ tục và trình tự giải quyết hồ sơ hành chính vẫn chưa thống nhất và đồng bộ.

Điều 2. Thống nhất những nhiệm vụ trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 2007 đã được nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân quận. Hội đồng nhân dân yêu cầu Ủy ban nhân dân quận trong quá trình chỉ đạo, điều hành công việc cần tập trung:

1. Tiếp tục kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố các cơ chế chính sách để kêu gọi đầu tư các dự án trên địa bàn, phục vụ lợi ích thiết thực của người dân và sự phát triển của quận trung tâm thành phố.

2. Đẩy nhanh tiến độ bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở, tiến độ thực hiện các dự án, trong đó những dự án từ nguồn vốn ngân sách và sử dụng kết dư ngân sách để chính trang vỉa hè.

3. Hoàn thành phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 các phường Tân Định, Đakao, Cô Giang, Cầu Kho, Cầu Ông Lãnh, Nguyễn Cư Trinh và tiếp tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch hẻm $\leq 12m$ tại các phường còn lại.

4. Tiếp tục thực hiện “Năm cải cách hành chính” với các biện pháp cụ thể và hiệu quả xây dựng quy trình liên thông nội bộ giữa các phòng, ban với Tổ Tiếp nhận

và trả kết quả theo Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương.

Quản lý và sử dụng có hiệu quả trang thiết bị công nghệ thông tin và đầu tư chương trình phần mềm trong quản lý Nhà nước. Xây dựng thái độ tiếp xúc, phong cách ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương.

Điều 3. Thống nhất thông qua Tờ trình số 1530/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận 1 về việc thông qua quy hoạch một số ngành dịch vụ văn hóa và quảng cáo trên địa bàn quận 1 giai đoạn 2007 - 2010.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo, điều hành các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân 10 phường thực hiện Nghị quyết này với kết quả cao nhất.

Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận và các thành viên, các tổ chức xã hội, vận động nhân dân quận 1 thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này, kịp thời phản ánh những tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của người dân đến các cơ quan có thẩm quyền.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 1 khóa IX, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2007./.

CHỦ TỊCH

Lê Bá Cần

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 1****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2007/NQ-HĐND

Quận 1, ngày 12 tháng 7 năm 2007

**NGHỊ QUYẾT
Về phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2006****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 1
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Xét nội dung báo cáo của Ủy ban nhân dân quận 1 về quyết toán thu chi ngân sách quận 1 năm 2006, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận 1,

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách quận 1 năm 2006**

(Theo số liệu Báo cáo số 124/BC-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận 1)

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước:	1.019.529.768.117 đồng đạt 115,15%
2. Tổng thu ngân sách địa phương: (ngân sách cấp quận và ngân sách phường)	452.509.171.236 đồng đạt 231,73 %
Trong đó:	
* Thu ngân sách cấp quận:	424.192.271.293 đồng
* Thu ngân sách phường:	28.316.899.943 đồng
3. Tổng chi ngân sách địa phương: (ngân sách cấp quận và ngân sách phường)	227.978.222.858 đồng đạt 116,75 %

* Chi ngân sách cấp quận:	197.113.897.028 đồng
* Chi ngân sách phường:	30.864.325.830 đồng
4. Tồn quỹ ngân sách địa phương: (ngân sách cấp quận và ngân sách phường)	224.530.948.378 đồng
* Tồn quỹ ngân sách cấp quận: (Trong đó kết dư ngân sách năm 2006 là 44.610.313.431 đồng)	213.363.950.265 đồng
* Tồn quỹ ngân sách phường:	11.166.998.113 đồng

Điều 2. Căn cứ kết luận của Ban Thường vụ Quận ủy theo Thông báo số 35-TB/QU ngày 23 tháng 4 năm 2007 về một số chủ trương lãnh đạo phát triển quận 1, đồng thời căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quận 1 năm 2007. Hội đồng nhân dân chấp thuận về chủ trương đối với các kiến nghị của Ủy ban nhân dân quận 1:

1. Cân đối ngân sách (từ tăng thu năm 2007) để bồi dưỡng, hỗ trợ cho các đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên các lĩnh vực: bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, quản lý đô thị, vệ sinh môi trường, quản lý thuế. Giao Ủy ban nhân dân quận chịu trách nhiệm thực hiện.

2. Chấp thuận chủ trương trang bị cho Trung tâm Thể dục Thể thao một ô tô chuyên dùng loại 30 - 38 chỗ ngồi.

3. Bổ sung kinh phí để đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác an ninh, quốc phòng: 2 tỷ đồng.

4. Bổ sung kinh phí đầu tư trang thiết bị và các chương trình phần mềm ứng dụng trong quản lý Nhà nước: 2 tỷ đồng.

5. Bổ sung kinh phí đầu tư trang thiết bị cho công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn: 1 tỷ đồng.

6. Bổ sung kinh phí nhập liệu hồ sơ hộ tịch lưu trữ vào hệ thống mạng trung tâm của Ủy ban nhân dân quận: 1,5 tỷ đồng.

7. Hỗ trợ kinh phí đào tạo lớp cử nhân chính trị cho cán bộ chủ chốt: 2 tỷ đồng.

8. Hỗ trợ Hội Khuyến học quận 1 xây dựng đề án xã hội học tập theo Thông tri số 20-TT/QU ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Quận ủy: 300 triệu đồng.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân quận 1 chỉ đạo các đơn vị xây dựng phương án cụ thể trình Ủy ban nhân dân quận phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân và các vị đại biểu

Hội đồng nhân dân quận 1 thông qua việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2006 và giám sát việc thực hiện ngân sách theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 1 Khóa IX, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2007./.

CHỦ TỊCH

Lê Bá Cần

QUẬN 5

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2007/QĐ-UBND

Quận 5, ngày 13 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị
tỷ lệ 1/2.000 khu dân cư liên phường 7, 8, 11, 12 quận 5**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 682/BXD-CSXD ngày 14 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 137/2005/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 6786/QĐ-UB-QLĐT ngày 18 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung quận 5;

Căn cứ Quyết định số 3650/QĐ-UB ngày 01 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban nhân dân quận 5 về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2.000 khu dân cư liên phường 7, 8, 11, 12 quận 5, diện tích 117,1018ha.;

Căn cứ Công văn số 2105/QHKT-QH ngày 24 tháng 6 năm 2004 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến về nhiệm vụ quy hoạch đồ án quy hoạch chi tiết liên phường 7, 8, 11, 12 quận 5;

Căn cứ Kết quả thẩm định số 2458/KQTD-SQHKT ngày 04 tháng 7 năm 2007 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố cho đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2.000 khu dân cư liên phường 7, 8, 11, 12 quận 5;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận 5 tại Tờ trình số 1644/TTr-QLĐT ngày 05 tháng 7 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2.000) khu dân cư liên phường 7, 8, 11, 12 quận 5 và ban hành Quy định về quản lý xây dựng theo đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2.000 khu dân cư liên phường 7, 8, 11, 12 quận 5, với các nội dung chính (đính kèm bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch giao thông, tỷ lệ 1/2.000), như sau:

1. Vị trí, giới hạn phạm vi quy hoạch:

- Tổng diện tích phạm vi khu vực lập quy hoạch chi tiết là: 117,1018ha.

- Ranh giới:

+ Phía Đông giáp phường 2, 3 quận 5 giới hạn bởi đường Huỳnh Mẫn Đạt và phường 9 giới hạn đường Ngô Quyền.

+ Phía Tây giáp phường 14, 15 quận 5 giới hạn bởi đường Châu Văn Liêm và đường Đỗ Ngọc Thanh.

+ Phía Nam giáp phường 5, 6, 10 quận 5 giới hạn bởi đường Trần Hưng Đạo.

+ Phía Bắc giáp phường 9, đường An Dương Vương và đường Nguyễn Chí Thanh, quận 11.

2. Tính chất - chức năng quy hoạch:

Trên cơ sở hiện trạng, tổ chức quy hoạch theo hướng cải thiện điều kiện ở, sinh hoạt, phát triển công trình công cộng, tăng cường hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường.

Khu quy hoạch bao gồm các khu chức năng chính, như sau:

- Trung tâm hành chính của quận 5.

- Các công trình giáo dục lớn của thành phố và cả khu vực phía Nam như Trường Đại học Y Dược, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao thành phố.

- Y tế cấp thành phố và khu vực phía Nam như Bệnh viện Chợ Rẫy, Viện Răng Hàm Mặt, Bệnh viện miễn phí An Bình, Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, Bệnh viện Nguyễn Trãi, Bệnh viện Hùng Vương, Bệnh viện Y Dược,...

- Trung tâm thương mại - dịch vụ.

- Khu ở hiện hữu cải tạo chỉnh trang và xây mới tạo mỹ quan đô thị.

- Khu công viên cây xanh - thể dục thể thao.

3. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc và cơ cấu sử dụng đất:

a) Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

TT	Nội dung	Đơn vị	Chỉ tiêu
1	Tổng diện tích khu vực quy hoạch	ha	117,1018
2	Dân số dự kiến	Người	57.000
3	Đất dân dụng:		
	- Đất ở	m ² /người	6 - 8
	- Đất CTCC	m ² /người	2,5 - 3,4
	- Đất cây xanh	m ² /người	1,0 - 1,5
	- Đất giao thông nội bộ	m ² /người	5,0 - 5,5
4	Đất ngoài dân dụng	ha	2,5460
5	Mật độ xây dựng chung toàn khu	%	40 - 50
6	Tầng cao trung bình của khu dân cư mới	Tầng	3,5 - 4
7	Mật độ dân số	Người/ha	487

b) Cơ cấu sử dụng đất:

Tổng diện tích khu đất quy hoạch là: 117,1018ha; được bố trí cơ cấu sử dụng đất như sau:

- Đất dân dụng : 114,5558ha chiếm tỷ lệ 97,83%.

Trong đó, gồm:

+ Đất khu ở : 34,9008ha chiếm tỷ lệ 29,81%.

+ Đất CTCC : 19,3360ha chiếm tỷ lệ 16,51%.

+ Đất CVCX - TDDT : 6,6300ha chiếm tỷ lệ 5,66 %.

- + Đất giao thông nội bộ : 28,8230ha chiếm tỷ lệ 24,61%.
- + Đất CTCC cấp TP - TW : 24,8660ha chiếm tỷ lệ 21,24%.
- Đất ngoài dân dụng : 2,5460ha chiếm tỷ lệ 2,17%.

Trong đó, gồm:

- Đất tôn giáo, tín ngưỡng : 1,9560ha chiếm tỷ lệ 1,67%.
- Đất công nghiệp, TTCN, kho : 0,5000ha chiếm tỷ lệ 0,50%.

4. Nội dung bố trí các hạng mục công trình trong khu ở:

a) Khu ở:

- Tổng diện tích đất ở là 34,9008ha.
- Khu quy hoạch tổ chức thành 4 đơn vị ở, mỗi đơn vị ở tương đương với phường.

Phường 7:

- Diện tích tự nhiên: 24,2375ha.
- Quy mô dân số dự kiến: 16.500 người.
- Diện tích đất ở: 10,1225ha, chỉ tiêu 6,1m²/người.
- Tầng cao trung bình: 3,2 tầng.
- Mật độ xây dựng: 52%.

Phường 8:

- Diện tích tự nhiên: 23,6663ha.
- Quy mô dân số dự kiến: 14.000 người.
- Diện tích đất ở: 7,5525ha, chỉ tiêu 5,39m²/người.
- Tầng cao trung bình: 3,2 tầng.
- Mật độ xây dựng: 52%.

Phường 11:

- Diện tích tự nhiên: 31,3754ha.
- Quy mô dân số dự kiến: 17.500 người.
- Diện tích đất ở: 9,7458ha, chỉ tiêu 5,56m²/người.
- Tầng cao trung bình: 3,5 tầng.
- Mật độ xây dựng: 50%.

Phường 12:

- Diện tích tự nhiên: 37,8226ha.
- Quy mô dân số dự kiến: 9.000 người.
- Diện tích đất ở: 7,4800ha, chỉ tiêu 8,3m²/người.
- Tầng cao trung bình: 4,0 tầng.
- Mật độ xây dựng: 45%.

b) Khu công trình công cộng:

Các công trình công cộng được bố trí tại các cơ sở hiện hữu, nâng cấp và phát triển thêm ở những vị trí phù hợp để đảm bảo bán kính phục vụ.

Diện tích đất công trình công cộng: 19,3360ha, trong đó:

- Nhà trẻ, mẫu giáo: diện tích 0,9596ha, tầng cao ≤ 2 tầng, mật độ xây dựng 65%, hệ số sử dụng đất $\leq 1,3$.
- Trường tiểu học, trường phổ thông, quy mô 6,3700ha, tầng cao ≤ 3 tầng, mật độ xây dựng $\leq 60\%$, hệ số sử dụng đất $\leq 1,8$.
- Thương mại - dịch vụ, quy mô 4,1999ha, tầng cao ≤ 3 tầng, mật độ xây dựng $\leq 60\%$, hệ số sử dụng đất $\leq 1,8$.
- Công trình hành chính, y tế, văn hóa: 7,8065ha, tầng cao ≤ 3 tầng, mật độ xây dựng $\leq 65\%$, hệ số sử dụng đất $\leq 1,9$.
- Diện tích đất công trình công cộng cấp thành phố, Trung ương: 24,866ha, tầng cao ≤ 4 tầng, mật độ xây dựng $\leq 60\%$, hệ số sử dụng đất $\leq 2,0$, trong đó:
 - Giáo dục: Trường Đại học Y Dược, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao thành phố, quy mô 4,85ha.
 - Y tế: Bệnh viện Chợ Rẫy, Viện Răng Hàm Mặt, Bệnh viện miễn phí An Bình, Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, Bệnh viện Nguyễn Trãi, Bệnh viện Hùng Vương, Bệnh viện Y Dược,... tổng diện tích 18,766ha.

Công trình công cộng khác: 1,25ha.

c) Khu công viên cây xanh:

Tổng diện tích các công viên cây xanh - thể dục thể thao sử dụng công cộng trong khu dân cư là 6,6300ha; chỉ tiêu diện tích cây xanh là 1,2m²/người.

Tăng cường mảng cây xanh tại vị trí khu Nhà máy Bia Sài Gòn (sau khi di

chuyển); một phần khu đất Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch, góp phần tăng mật độ cây xanh cho khu đô thị và các khu công viên nhỏ trong các nhóm nhà, khu chung cư.

Phát triển trồng cây xanh trong các công trình công cộng, dọc các tuyến giao thông góp phần cải tạo vi khí hậu và cảnh quan.

d) Các công trình tôn giáo:

Các công trình tôn giáo tín ngưỡng được giữ nguyên vị trí và tôn tạo trùng tu.

đ) Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp:

Các công trình công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường sẽ di chuyển khỏi khu dân cư và di dời đến các khu công nghiệp tập trung có điều kiện xử lý.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Hệ thống giao thông:

- Cải tạo nâng cấp và mở rộng các tuyến đường chính hiện hữu cấp thành phố và quận, lộ giới được xác định theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận 5 tại Quyết định số 6786/QĐ-UB-QLĐT ngày 18 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Trên cơ sở định hướng chung về giao thông của quy hoạch chung thành phố và quy hoạch chung quận 5, dự kiến mở rộng các tuyến đường hiện hữu theo đúng lộ giới quy định.

- Dự phóng tuyến đường Bùi Hữu Nghĩa nối đường Nguyễn Trãi và đường Trần Phú.

- Hai nút giao thông tại đường An Dương Vương - Ngô Quyền - Ngô Gia Tự - Hùng Vương và đường Hùng Vương - Thuận Kiều - Châu Văn Liêm.

- Các giao lộ được tổ chức giao cùng mức, đảm bảo bán kính cong bó vỉa tại ngã ba, ngã tư $R = 10m$.

- Diện tích đất dành cho giao thông là 28,8230ha, tỷ lệ 24,61%.

b) Hệ thống cấp nước:

Các chỉ tiêu cấp nước:

- Cấp nước sinh hoạt : 250 lít/người/ngày đêm.

- Nước dịch vụ công cộng : 30 lít/người/ngày đêm.

- Khối lượng nước sử dụng : 21.900 - 25.730m³/ngày đêm.

c) Quy hoạch chiều cao và thoát nước mưa:

Cao độ nền thiết kế : $\geq 2,00$ (cao độ chuẩn Hòn Dấu).

Độ dốc nền thiết kế : trung bình 0,4%.

Hướng thoát : về phía Nam ra kênh Tàu Hủ.

d) Hệ thống cấp điện:

Nguồn điện: Trước mắt được cấp từ trạm 110/15kV Hùng Vương, Chợ Lớn, trạm ngắt 15kV Tân Hưng, Nguyễn Hoàng. Dài hạn trạm Hùng Vương sẽ được cải tạo nâng cấp lên 110/22kV, xây dựng mới trạm 110/22kV Tân Hưng, nằm gần trạm ngắt Tân Hưng, cải tạo trạm ngắt Tân Hưng, Nguyễn Hoàng lên 22kV (giai đoạn 2005 - 2010) thuộc mạng điện chung của thành phố Hồ Chí Minh.

Chỉ tiêu cấp điện:

- Điện sinh hoạt: 1.800 - 2.000kWh/người/năm.

- Lưới điện:

- Cải tạo 52 trạm, 81 máy biến áp phân phối từ 15/0,4kV lên 22/0,4kV với tổng công suất là 53.380kVA và xây mới 26 trạm, 48 máy, dung lượng 29.550kVA.

- Cải tạo 25km đường dây 15kV hiện có thành cáp ngầm 22kV và xây dựng 2,4km cáp ngầm 22kV.

- Cải tạo khoảng 8km tuyến 15kV hiện có lên 22kV.

- Cải tạo và xây mới đường dây hạ áp bằng cáp ngầm hạ áp.

đ) Thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

- Sử dụng hệ thống cống chung (hiện hữu).

- Nước thải sinh hoạt phải qua xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

Rác thải được thu gom và đưa thẳng đến bãi xử lý rác chung của thành phố.

6. Một số lưu ý khi thực hiện quy hoạch:

- Việc chuyển đổi các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm sang công trình xây dựng, các chỉ tiêu kiến trúc - quy hoạch sẽ được xem xét cụ thể theo từng dự án, theo khuynh hướng giảm mật độ xây dựng, tăng tầng cao, dành một số tỷ lệ diện tích cho cây xanh tại khu vực.

- Lưu ý rà soát quy hoạch mạng lưới đường hẻm (dưới 12m) để điều chỉnh phù hợp và mang tính khả thi cao.

Điều 2.

1. Giao Phòng Quản lý đô thị quận 5:

a) Tiến hành cắm mốc các tuyến hạ tầng kỹ thuật chính, mốc ranh các khu cây xanh tập trung, công trình công cộng (cấp khu vực và cấp thành phố) trên bản đồ giải thửa hiện hành để quản lý; cụ thể hóa các mốc này trên thực địa khi triển khai dự án.

b) Phối hợp với các Sở - ngành thành phố tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, tổng hợp báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân quận 5 các giải pháp quản lý, đầu tư xây dựng theo đồ án quy hoạch chi tiết được phê duyệt .

2. Giao Ban Quản lý dự án Đầu tư - Xây dựng Công trình quận 5 phối hợp các phòng chức năng của quận 5 lập kế hoạch triển khai đầu tư xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt trên, trình Ủy ban nhân dân quận 5 thông qua.

Điều 3. Trên cơ sở Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2.000 khu dân cư liên phường 7, 8, 11, 12 được duyệt, Phòng Quản lý Đô thị quận 5 và Ủy ban nhân dân các phường 7, 8, 11, 12 quận 5 chịu trách nhiệm công bố công khai quy hoạch tại Ủy ban nhân dân phường chậm nhất sau 30 ngày, kể từ ngày ký Quyết định này, đồng thời thông báo kịp thời cho nhân dân và các đơn vị kinh tế - xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch cùng các văn bản liên quan khác để thực hiện quản lý tốt việc sử dụng quỹ đất và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Theo Luật Xây dựng, hiệu lực pháp lý của Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2.000) khu dân cư liên phường 7, 8, 11, 12 quận 5 này có giá trị thực hiện kể từ ngày công bố rộng rãi ra nhân dân.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 5, Trưởng Phòng Quản lý Đô thị, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư - Xây dựng Công trình và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường 7, 8, 11, 12 quận 5 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Khoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Quản lý xây dựng theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng
đô thị tỷ lệ 1/2.000 khu dân cư liên phường 7, 8, 11, 12 quận 5**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận 5)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý xây dựng cải tạo, tôn tạo, bảo vệ và sử dụng các công trình theo đúng Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2.000 khu dân cư liên phường 7, 8, 11, 12 quận 5 đã được phê duyệt.

Điều 2. Ngoài những quy định trong Quy định này, việc quản lý xây dựng trong khu dân cư liên phường 7, 8, 11, 12 quận 5 còn phải tuân theo các quy định pháp luật của Nhà nước khác có liên quan.

Điều 3. Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi những quy định tại Quy định này phải do cấp có thẩm quyền quyết định trên cơ sở điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết.

Điều 4. Ủy ban nhân dân quận 5 thống nhất quản lý xây dựng trên toàn địa bàn quận 5. Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên - Môi trường, Sở Xây dựng, cùng với Ủy ban nhân dân quận hướng dẫn quản lý xây dựng tại khu dân cư liên phường 7, 8, 11, 12 quận 5 theo đúng với quy hoạch.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Ranh giới khu đất quy hoạch bao gồm diện tích 117,1018ha, thuộc địa bàn phường 7, 8, 11, 12 quận 5 thành phố Hồ Chí Minh. Ranh giới cụ thể được giới hạn như sau:

- Phía Đông giáp phường 2, 3 quận 5 giới hạn bởi đường Huỳnh Mẫn Đạt và phường 9 giới hạn đường Ngô Quyền.

- Phía Tây giáp phường 14, 15 quận 5 giới hạn bởi đường Châu Văn Liêm và đường Đỗ Ngọc Thạnh.

- Phía Nam giáp phường 5, 6, 10 quận 5 giới hạn bởi đường Trần Hưng Đạo.

- Phía Bắc giáp phường 9, đường An Dương Vương và đường Nguyễn Chí Thanh, quận 11.

Điều 6. Khu đất thiết kế được chia thành những khu chức năng sau: (Xem bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất)

- Trung tâm hành chính: Ủy ban nhân dân quận 5 và các cơ quan hành chính cấp quận nằm trên trục đường An Dương Vương, phường 8.

- Trung tâm giáo dục: Trường Đại học Y Dược, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao thành phố.

- Trung tâm y tế: Bệnh viện lớn như Bệnh viện Chợ Rẫy, Viện Răng Hàm Mặt, Bệnh viện miễn phí An Bình, Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, Bệnh viện Nguyễn Trãi, Bệnh viện Hùng Vương, Bệnh viện Y Dược,...

- Trung tâm thương mại - dịch vụ.

- Khu ở hiện hữu cải tạo chỉnh trang gồm khu nhà phố và khu chung cư.

- Công viên cây xanh - thể dục thể thao.

- Giao thông khu vực và nội bộ.

BẢNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)
I	Đất dân dụng	114,5558	97,83	20,09
1	Đất ở:	34,9008	29,81	6,1
	- Đất ở hiện hữu	30,6388	26,17	
	- Đất ở xây dựng mới	4,2620	3,64	
2	Đất CTCC	19,3360	16,51	3,4
	- Giáo dục mầm non	0,9596		
	- Giáo dục phổ thông	6,3700		
	- Thương mại - dịch vụ	4,1999		
	- Cơ quan, y tế, văn hóa	7,8065		
3	Đất cây xanh - TDDT	6,6300	5,66	1,2

4	Đất giao thông	28,8230	24,61	5,1
5	CTCC cấp TP - TW	24,8660	21,24	4,4
	- Giáo dục	4,8500		
	- Y tế	18,7660		
	- CTCC khác	1,2500		
II	Đất ngoài dân dụng	2,5460	2,17	0,4
6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	1,9560	1,67	0,3
7	Đất công nghiệp - TTCN, kho	0,5900	0,50	0,1
	Cộng	117,1018	100,0	20,5

Điều 7. Khu dân cư

1. Tổng diện tích đất ở là 34,9008ha.

2. Khu quy hoạch tổ chức thành 4 đơn vị ở, mỗi đơn vị ở tương đương với phường.

Phường 7:

- Diện tích tự nhiên : 24,2375ha.
- Quy mô dân số dự kiến : 16.500 người.
- Diện tích đất ở : 10,1225ha, chỉ tiêu 6,1m²/người.
- Tầng cao trung bình : 3,2 tầng.
- Mật độ xây dựng : 52%.

Phường 8:

- Diện tích tự nhiên : 23,6663ha.
- Quy mô dân số dự kiến : 14.000 người.
- Diện tích đất ở : 7,5525ha, chỉ tiêu 5,39m²/người.
- Tầng cao trung bình : 3,2 tầng.
- Mật độ xây dựng : 52%.

Phường 11:

- Diện tích tự nhiên : 31,3754ha.
- Quy mô dân số dự kiến : 17.500 người.
- Diện tích đất ở : 9,7458ha, chỉ tiêu 5,56m²/người.
- Tầng cao trung bình : 3,5 tầng.

- Mật độ xây dựng : 50%.

Phường 12:

- Diện tích tự nhiên : 37,8226ha.
- Quy mô dân số dự kiến : 9.000 người.
- Diện tích đất ở : 7,4800ha, chỉ tiêu 8,3m²/người.
- Tầng cao trung bình : 4,0 tầng.
- Mật độ xây dựng : 45%.

3. Các yêu cầu về không gian kiến trúc - quy hoạch:

- Đối với các khu ở hiện hữu sẽ cải tạo nâng cấp thông qua nâng tầng cao, giảm mật độ xây dựng, tăng cường hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo xây dựng đúng lộ giới quy hoạch.

- Trong nhóm nhà ở mới xây phải tổ chức cây xanh công cộng (vườn hoa, cây bóng mát, sân chơi,...) tạo cảnh quan thoáng mát cho khu ở.

- Nhà ở trong khu vực này chủ yếu là hiện hữu cải tạo chỉnh trang, việc quản lý xây dựng được dựa vào các yếu tố sau:

+ Mật độ xây dựng:

DT đất (m²)	< 50	50 - 100	100 - 200	200 - 300	300 - 400	400 - 500
Mật độ XD tối đa (%)	100	90	80	70	60	50

+ Chiều cao tầng nhà: tầng trệt, kể cả bố trí thêm tầng lửng có chiều cao tối đa là 5m. Các tầng lầu có chiều cao tối đa 4m.

+ Các bộ phận nhà được phép nhô ra quá lộ giới:

Ban công, ô văng, mái đón từ độ cao 3,4m trở lên so với mặt vỉa hè được phép nhô ra trong giới hạn:

Chiều rộng lộ giới (m)	Độ vươn tối đa (m)
Dưới 6m	0
6m ≤ lộ giới ≤ 12m	0,9
12m ≤ lộ giới ≤ 16m	1,2
>16m	1,4

4. Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường:

- Trong khu nhà ở cần tổ chức giao thông nội bộ hợp lý, bố trí một số bãi đậu xe, đảm bảo cho xe cứu hỏa, cứu thương có thể chạy tới từng nhà. Các đường cụt phải có chỗ quay xe đúng tiêu chuẩn.

- Tất cả các loại hình nhà ở đều phải xây dựng bể tự hoại để làm sạch sơ bộ nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

Điều 8. Các khu công trình công cộng

Diện tích đất công trình công cộng: 19,3360ha, trong đó:

- Nhà trẻ, mẫu giáo: diện tích 0,9596ha, tầng cao ≤ 2 tầng, mật độ xây dựng 65%, hệ số sử dụng đất $\leq 1,3$.

- Trường tiểu học, trường phổ thông, quy mô 6,3700ha, tầng cao ≤ 3 tầng, mật độ xây dựng $\leq 60\%$, hệ số sử dụng đất $\leq 1,8$.

- Thương mại - dịch vụ, quy mô 4,1999ha, tầng cao ≤ 3 tầng, mật độ xây dựng $\leq 60\%$, hệ số sử dụng đất $\leq 1,8$.

- Công trình hành chính, y tế, văn hóa: 7,8065ha, tầng cao ≤ 3 tầng, mật độ xây dựng $\leq 65\%$, hệ số sử dụng đất $\leq 1,9$.

- Diện tích đất công trình công cộng cấp thành phố, Trung ương: 24,866ha, tầng cao ≤ 4 tầng, mật độ xây dựng $\leq 60\%$, hệ số sử dụng đất $\leq 2,0$, trong đó:

- Giáo dục: Trường Đại học Y Dược, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao thành phố, quy mô 4,85ha.

- Y tế: Bệnh viện Chợ Rẫy, Viện Răng Hàm Mặt, Bệnh viện miễn phí An Bình, Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, Bệnh viện Nguyễn Trãi, Bệnh viện Hùng Vương, Bệnh viện Y Dược,... tổng diện tích 18,766ha.

Công trình công cộng khác: 1,25ha.

Điều 9. Các khu công viên, cây xanh

1. Tổng diện tích các công viên cây xanh - thể dục thể thao sử dụng công cộng trong khu dân cư là 6,6300ha; chỉ tiêu diện tích cây xanh là $1,2m^2$ /người.

Tăng cường mảng cây xanh tại vị trí khu Nhà máy Bia Sài Gòn (sau khi di chuyển); một phần khu đất Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch, góp phần tăng mật độ cây xanh cho khu đô thị và các khu công viên nhỏ trong các nhóm nhà, khu chung cư.

Phát triển trồng cây xanh trong các công trình công cộng, dọc các tuyến giao thông góp phần cải tạo vi khí hậu và cảnh quan.

2. Các yêu cầu về không gian kiến trúc - quy hoạch:

- Chỉ giới xây dựng: cách xa lộ giới các đường giao thông chính ít nhất 3m để tránh tiếng ồn.

- Bố trí hài hòa hệ thống cây xanh trong bố cục tổng mặt bằng công trình kiến trúc, tổ chức các bãi đậu xe. Kiểu dáng kiến trúc nên chú ý đến tính hiện đại kết hợp tính dân tộc.

- Các công trình của khu giáo dục phải cách lộ giới tối thiểu 3 m, đặc biệt các lớp học phải được cách ly với đường giao thông bằng 1 dải cây xanh để giảm tác động của khói, bụi, tiếng ồn.

- Khoảng cách tối thiểu giữa các công trình: tính cho 2 mặt công trình song song bằng chiều cao (h) của một công trình cao nhất.

3. Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường:

- Tất cả các công trình kiến trúc được nâng cấp hoặc xây dựng mới đều phải tuân thủ lộ giới quy định.

- Đảm bảo yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy.

- Đảm bảo yêu cầu cấp điện, cấp nước, thoát nước, môi trường, hệ thống thu gom rác.

- Mỗi công trình đều phải có bể tự hoại để làm sạch sơ bộ nước thải trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung.

4. Các yêu cầu về quản lý xây dựng:

- Xây dựng đúng lộ giới, tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn về xây dựng hiện hành.

- Phát triển trồng cây xanh trong các công trình công cộng, dọc các tuyến giao thông góp phần cải tạo vi khí hậu và cảnh quan.

- Tạo công viên, vườn hoa nhỏ trong các nhóm nhà ở, khu chung cư...

5. Các yêu cầu về không gian kiến trúc - quy hoạch:

- Mật độ xây dựng không quá 10%.

- Việc trồng cây không gây nguy hiểm (không trồng cây dễ gãy, đổ), không làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường (không trồng các loại cây có tiết ra chất độc hại hoặc hấp dẫn côn trùng).

6. Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống giao thông quanh công viên phải đảm bảo đúng lộ giới quy định.

- Trong công viên cây xanh cần có đủ các thiết bị cấp, thoát nước, chiếu sáng cũng như công trình phục vụ, ngoài ra còn bố trí các sân chơi cho thiếu nhi, sân tập luyện thể thao cho người dân.

Điều 10. Công trình tôn giáo tín ngưỡng

- Yêu cầu quy hoạch: Đây là công trình có giá trị về mặt văn hóa nên được giữ lại để tôn tạo, trùng tu.

- Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật: gắn với hạ tầng kỹ thuật của khu vực xung quanh.

- Các yêu cầu về quản lý theo quy định chung.

Điều 11. Công trình công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Tính chất: sản xuất công nghiệp không ô nhiễm.

- Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật: gắn với hạ tầng kỹ thuật của khu vực xung quanh.

Điều 12. Giao thông

- Đường giao thông:

+ Độ dốc dọc : từ 0,5% đến 1%.

+ Độ dốc ngang : 2%.

+ Chiều cao bó vỉa : 0,20m.

- Các trục giao lộ được tổ chức giao cùng mức, đảm bảo bán kính cong bó vỉa tại ngã ba, ngã tư $R = 10m$.

- Lộ giới:

TT	Tên đường	Mặt cắt	Lộ giới (m)	Mặt cắt ngang (m)		
				Hè phố bên trái	Mặt đường + dải phân cách + mặt đường	Hè phố bên phải
1.	Huỳnh Mẫn Đạt	2 - 2	20	4	12	4
2.	Bùi Hữu Nghĩa	1 - 1	20	4,5	11	4,5
3.	Trần Tuấn Khải	2 - 2	20	4	12	4
4.	Nguyễn Tri Phương	3 - 3	30	6	18	6

5.	Ngô Quyền	12 - 12 4 - 4	14 16	4 4	6 8	4 4
6.	An Bình	4 - 4	16	4	8	4
7.	Tản Đà	1 - 1	20	4,5	11	4,5
8.	Nguyễn Kim	1 - 1	20	4,5	11	4,5
9.	Lý Thường Kiệt	3 - 3	30	6	18	6
10.	Triệu Quang Phục	5' - 5'	12	2,5	7	2,5
11.	Lương Nhữ Học	5'' - 5''	12	2	8	2
12.	Châu Văn Liêm	6 - 6	36	5	(2) - 22 - (2)	5
13.	Thuận Kiều	7 - 7	36	6	24	6
14.	Phó Cơ Điều	5'' - 5''	12	2	8	2
15.	Đỗ Ngọc Thạnh	5'' - 5''	12	2	8	2
16.	Lão Tử	5'' - 5''	12	2	8	2
17.	Mạc Thiên Tích	5 - 5	12	2,5	7	2,5
18.	Xóm Cải	1 - 1	20	4,5	11	4,5
19.	Phan Văn Trị	4 - 4	16	4	8	4
20.	Trần Hưng Đạo	3 - 3	30	6	18	6
	Trần Hưng Đạo	3 - 3	30	6	18	6
	Trần Hưng Đạo	10 - 10	22	5	12	5
21.	Nguyễn Trãi	2 - 2	20	4	12	4
22.	Trần Phú	3 - 3	30	6	18	6
23.	An Dương Vương	8' - 8'	40	8,5	23	8,5
24.	Hùng Vương	8 - 8	40	5	28 (2)	5
25.	Tăng Bạc Hồ	5 - 5	12	3	6	3
26.	Nguyễn Chí Thanh	9 - 9	25	5,5	14	5,5
27.	Bà Triệu	4 - 4	16	4	8	4
28.	Tân Thành	4 - 4	16	4	8	4
29.	Phạm Hữu Chí	5 - 5	12	3	6	3
	Phạm Hữu Chí	4 - 4	16	4	8	4
30.	Tân Hưng	5 - 5	12	3	6	3
31.	Phù Đổng Thiên Vương	1 - 1	20	4,5	11	4,5
32.	Kỳ Hòa	5' - 5'	12	2,5	7	2,5

33.	Phước Hưng	4' - 4'	16	4,5	7	4,5
34.	Đặng Thái Thân	5' - 5'	12	2,5	7	2,5
35.	Trần Xuân Hòa	12 - 12	14	4	6	4
36.	Nguyễn Duy Dương	1 - 1	20	4,5	11	4,5

Hai nút giao thông tại đường An Dương Vương - Ngô Quyền - Ngô Gia Tự - Hùng Vương và đường Hùng Vương - Thuận Kiều - Châu Văn Liêm.

Điều 13. Các công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Hệ thống cấp điện:

- Nguồn điện: Trước mắt được cấp từ trạm 110/15kV Hùng Vương, Chợ Lớn, trạm ngắt 15kV Tân Hưng, Nguyễn Hoàng. Dài hạn trạm Hùng Vương sẽ được cải tạo nâng cấp lên 110/22kV, xây dựng mới trạm 110/22kV Tân Hưng, nằm gần trạm ngắt Tân Hưng, cải tạo trạm ngắt Tân Hưng, Nguyễn Hoàng lên 22kV (giai đoạn 2005 - 2010) thuộc mạng điện chung của thành phố Hồ Chí Minh.

- Hệ thống các trạm biến áp 22/0,4kV và đường dây cần được quy định khoảng cách ly theo quy chuẩn XDVN.

2. Hệ thống cấp nước:

Nguồn nước: Nhà máy Nước Thủ Đức và Nhà máy Nước sông Sài Gòn, từ các tuyến cấp nước chính $\Phi 250$ đường Lý Thường Kiệt, $\Phi 200$ đường Tân Đà; $\Phi 1050$ đường Trần Hưng Đạo và $\Phi 300 - \Phi 350 - \Phi 400 - \Phi 500$ đường Hùng Vương; $\Phi 600$ đường Thuận Kiều, $\Phi 300$ đường Lương Nhữ Học; $\Phi 450$ đường Thuận Kiều, $\Phi 300$ đường Triệu Quang Phục và Ngô Quyền; $\Phi 400$ đường Hùng Vương, $\Phi 250$, $\Phi 300$ đường Nguyễn Trãi.

3. Hệ thống nước thải:

- Sử dụng hệ thống công thoát nước chung để thoát nước mưa và nước thải bản.

- Hoàn chỉnh mạng lưới công thu gom, xây dựng các tuyến công bao với các giếng ngăn tách nước bản để đưa nước thải về trạm bơm chuyển tiếp nước thải đặt tại khu Đồng Điều thuộc phường 4, quận 8 trước khi về nhà máy xử lý đặt tại xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh bằng tuyến công chuyển tải dọc đường Cao Lỗ - Chánh Hưng.

4. Vệ sinh môi trường:

- Tất cả khu vệ sinh đều phải có bể tự hoại ba ngăn xây ngầm theo đúng quy cách để xử lý nước thải, phân, tiêu trước khi thoát vào cống.

- Ở giai đoạn đầu, nước thải đầu ra của nhà máy xử lý phải đạt tiêu chuẩn loại B - TCVN 5945 - 1995, trong đó $BOD_5 = 50\text{mg/l}$. Ở giai đoạn dài hạn (sau 2020), chất lượng nước thải đầu ra của nhà máy xử lý được nâng lên loại A - TCVN 5945 - 1995 trong đó $BOD_5 = 20\text{mg/l}$.

- Rác phải được phân loại trong từng căn hộ trước khi cơ quan có chức năng đến thu gom mỗi ngày và vận chuyển đến khu xử lý rác thành phố.

- Xây dựng nhà vệ sinh công cộng có bán kính phục vụ khoảng 1km ở các khu vực có công trình công cộng, khu vui chơi giải trí, công viên cây xanh để phục vụ khách vãng lai.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 14. Các cơ quan có trách nhiệm quản lý xây dựng dựa trên nội dung đồ án quy hoạch chi tiết sử dụng đất và Quy định này có quy định cụ thể để thực hiện.

Điều 15. Mọi hành vi vi phạm các điều khoản của Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Hồ sơ Đồ án quy hoạch chi tiết khu dân cư liên phường 7, 8, 11, 12, quận 5 được ấn hành và lưu giữ tại các nơi dưới đây để mọi tổ chức và công dân biết thực hiện:

- + Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 5.
- + Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố.
- + Sở Xây dựng thành phố.
- + Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố.
- + Ủy ban nhân dân các phường 7, 8, 11, 12 quận 5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Văn Khoa

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng